

Bản án số: 68/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2018

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Lý Thị Bé Năm;

2/- Bà Nguyễn Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 147/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy A** sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Anh N có mặt; Chị A vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn Trần Văn N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thúy A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 04/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Quý, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau chăm lo cho con nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kéo dài, chung sống với nhau không hạnh phúc nên đã ly thân nhau từ tháng 11/2017 cho đến nay.

- Về con chung: Anh, chị có 02 đứa con chung tên Trần Thị Thùy D, sinh ngày 12/11/2010 và Trần Ngọc S sinh ngày 20/01/2016.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết: Chấp nhận cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy A; yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy A đã được giao nhận các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị Thúy A vắng mặt không có lý do.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thúy A là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị Thúy A.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Thúy A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 04/3/2010.

Theo trình bày của anh N tại phiên tòa xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do tính tình không phù hợp, thường xuyên gây cựa cãi nhau, chị A tự ý bỏ nhà ra đi. Nay anh nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không khả năng hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án chấp nhận cho anh được ly hôn với Chị Thúy A.

Chị Thúy A đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có văn bản phản đối yêu cầu của anh N, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xem xét lời trình bày của anh N là có căn cứ.

Thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và Chị Thúy A thực tế có phát sinh nên anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2017 đến nay; Chị Thúy A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án chứng tỏ chị không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân giữa chị và anh N. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và Chị Thúy A

không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh N và Chị Thúy A có 02 đứa con chung tên Trần Thị Thùy D, sinh ngày 12/11/2010 và Trần Ngọc S, sinh ngày 20/01/2016 hiện hai cháu đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Thùy D có lời khai xác định nguyện vọng được sống chung với anh N.

Tại phiên tòa anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu Chị Thúy A cấp dưỡng nuôi con. Phía Chị Thúy A không có ý kiến gì về việc nuôi con chung và cũng không phản đối yêu cầu nuôi con của anh N.

Thấy rằng: Các Cháu Thùy D và Ngọc Sương đang sống ổn định cùng anh N, bản thân anh N đủ điều kiện nuôi con, yêu cầu nuôi con của anh N phù hợp theo nguyện vọng của Cháu Thùy D, không trái đạo đức xã hội, phù hợp theo quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận anh N không yêu cầu Chị Thúy A thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Anh N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần Văn N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy A.

2. Về con chung:

Chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh N: Giao hai cháu Trần Thị Thùy D, sinh ngày 12/11/2010 và Trần Ngọc S, sinh ngày 20/01/2016 cho anh N trực tiếp

nuôi dưỡng. Ghi nhận anh N không yêu cầu Chị Thúy A thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Thúy A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số 01502 ngày 24/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên anh không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

+ Anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

+ Chị Thúy A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- UBND xã Nhị Quý, TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT